

KẾ HOẠCH
Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của Sở Tư pháp, phát triển Chính quyền số và bảo đảm
an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 116/QĐ-STP ngày 18 tháng 9 năm 2020
của Giám đốc Sở Tư pháp)

Để triển khai có hiệu quả việc ứng dụng CNTT trong hoạt động triển khai các nhiệm vụ công tác tư pháp, hiện đại hóa công tác hành chính, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp trong tình hình mới, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh, Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng vào hoạt động triển khai các nhiệm vụ công tác tư pháp giai đoạn 2021-2025, với các nội dung cụ thể như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG
CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Triển khai thực hiện Quyết định số 1226/QĐ-BTP ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của ngành Tư pháp giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT xây dựng Chính phủ điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020, ngày 15/11/2016 Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-STP phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, hàng năm Sở Tư pháp đều ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT, hiện đại hóa công tác hành chính, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, Sở Tư pháp cũng ban hành nhiều văn bản đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị thuộc Sở thực hiện các kế hoạch, quy định; triển khai thực hiện các phần mềm, các hệ thống thông tin; đảm bảo an toàn thông tin; văn bản hướng dẫn về thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, cơ sở dữ liệu của

Ngành và địa phương nhằm bảo đảm khả năng tiến cận và sử dụng an toàn cho cơ quan, đơn vị.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Đến nay, 100% công chức, viên chức trong cơ quan Sở được trang bị mỗi người 01 máy tính kết nối mạng nội bộ (LAN) và mạng Internet để đảm bảo cập nhật, trao đổi, xử lý thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ; 01 máy tính dành riêng cho công tác soạn thảo văn bản mật không được kết nối Internet đảm bảo đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Ngoài ra, các đơn vị thuộc Sở còn được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết khác để phục vụ công tác như: máy in, máy Fax, máy Scan, máy điện thoại....

III. CÁC ỨNG DỤNG DỊCH VỤ

Trong thời gian qua, Sở Tư pháp đã triển khai nhiều phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở, cũng như công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Sở tiêu biểu như: Phần mềm Thống kê Ngành Tư pháp; phần mềm về Quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; phần mềm Quản lý tổ chức hành nghề công chứng; phần mềm Quản lý thông tin đầu giá tài sản; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, MISA vào quản lý hành chính. Ngoài ra, Sở Tư pháp đã triển khai việc đăng ký khai sinh điện tử, cấp số định danh cá nhân theo Luật Hộ tịch và Luật Căn cước công dân; dữ liệu hộ tịch điện tử của địa phương trên hệ thống thông tin Đăng ký và Quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; triển khai liên thông kết nối dữ liệu đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi. Xây dựng và triển khai quản lý cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thường xuyên sử dụng văn bản điện tử phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ thông qua sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh (*100% công chức, viên chức và các đơn vị thuộc Sở đều được cấp hộp thư điện tử công vụ*); bên cạnh đó, Sở Tư pháp tăng cường sử dụng văn bản điện tử có ký số thay thế cho văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, từng bước chuyển sang làm việc dựa trên văn bản điện tử và môi trường mạng trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành - iDesk. Từ năm 2016 đến nay, Sở Tư pháp thực hiện phát hành và đã gửi 4.910 văn bản điện tử trên phần mềm iDesk, đặc biệt sau khi áp dụng chữ ký số điện tử vào quá trình xử lý văn bản vào tháng 02/2019 thì 100% các văn bản phát hành đều triển khai dưới dạng văn bản điện tử ký số và thực hiện gửi trên phần mềm iDesk (Trừ trường hợp Bên nhận chưa đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, giải pháp kết nối, liên thông để gửi, nhận văn bản điện tử hoặc trường hợp phải gửi văn bản giấy theo quy định).

Đối với Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp (*địa chỉ* <http://www.sotuphap.daklak.gov.vn>) cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở đã thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ hành chính qua Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông của tỉnh (*iGate*) và Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung (*của Bộ Tư pháp*) cho người dân và doanh nghiệp, giúp cho quá trình giải quyết và lưu trữ hồ sơ khoa học, nhanh chóng và chính xác hơn. Bên cạnh đó, Sở đã triển khai Dịch vụ hóa đơn điện tử (*Sinvoice của Viettel*); hóa đơn được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, được ký bằng chữ ký điện tử (ký số).

Sở Tư pháp đang phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thực hiện kết nối liên thông, đồng bộ trạng thái xử lý thủ tục hành chính trên Hệ thống iGate với một số dịch vụ công của ngành Tư pháp (Đăng ký và quản lý hộ tịch; quản lý lý lịch tư pháp).

Cập nhật đầy đủ văn bản pháp luật của tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (*địa chỉ* <http://vbpl.vn>) và Cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật cấp huyện lên Trang thông tin điện tử của Sở. Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”; triển khai Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu kiến thức pháp luật” năm 2020.

IV. NGUỒN NHÂN LỰC

Sở có 01 cán bộ chuyên trách về CNTT có trình độ đại học để tham mưu, triển khai thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT trong công tác của Ngành.

Về trình độ ứng dụng CNTT của đội ngũ công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị: hầu hết công chức, viên chức và người lao động sử dụng máy vi tính thành thạo, phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn.

V. AN TOÀN THÔNG TIN

Tiếp tục triển khai việc đảm bảo quản lý, vận hành hoạt động thường xuyên, liên tục của các hệ thống thông tin của đơn vị.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành cài đặt phần mềm phòng chống mã độc có bản quyền Bkav Endpoint (năm 2019), Kaspersky Endpoint (năm 2020) cho 100% máy vi tính tại cơ quan, đơn vị.

Quán triệt quy định về công tác bảo đảm an ninh thông tin khi ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan trên cơ sở các quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và áp dụng theo chính sách an toàn thông tin theo tiêu chuẩn TCVN 7562:2005, tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 27001:2009; Kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk (ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh).

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ của Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động nội bộ của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk và Hệ thống Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.

Lắp đặt Camera quan sát, giám sát tại Sở và Phòng Công chứng số 1.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách bình quân hàng năm đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật: 89,125 triệu đồng/năm.
- Ngân sách bình quân hàng năm đầu tư cho ứng dụng CNTT: 51,2 triệu đồng/năm.
- Ngân sách bình quân hàng năm đầu tư cho hạ tầng an toàn thông tin: 10,56 triệu đồng/năm.
- Ngân sách bình quân hàng năm để đào tạo nhân lực CNTT: 15 triệu đồng/năm.

Phần II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động triển khai các nhiệm vụ công tác tư pháp là động lực quan trọng góp phần bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển một cách bền vững của cơ quan, nâng cao tính minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hiện đại hóa công tác hành chính, tăng cường mức độ, phạm vi cung cấp thông tin trên môi trường mạng có độ an toàn và bảo mật cao, xây dựng nền hành chính hiện đại, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và tính phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Việc ứng dụng CNTT tại Sở Tư pháp gắn với công tác cải cách hành chính, nâng cao công tác quản lý theo mô hình của UBND tỉnh đã triển khai và phát triển các hệ thống, ứng dụng chuyên ngành của Bộ Tư pháp.

3. Nguồn nhân lực CNTT đáp ứng được nhu cầu và làm chủ các hệ thống CNTT, ứng dụng CNTT.

4. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị, của mỗi công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngành Tư pháp về tầm quan trọng của việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Đảm bảo 100% thiết bị, hạ tầng CNTT phục vụ tốt công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở.

- 100% văn bản phát hành đều triển khai dưới dạng văn bản điện tử ký số và thực hiện gửi trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (*Trừ trường hợp phải gửi văn bản giấy theo quy định*); 100% hồ sơ, tài liệu phục vụ công việc của công chức, viên chức và người lao động Sở được gửi trên hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

- 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 trở lên; tiếp tục tin học hóa các quy trình nghiệp vụ của Ngành đặc biệt là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

- Trên 70% cuộc họp sử dụng hệ thống thông tin phục vụ trực tuyến và không sử dụng giấy tờ theo định hướng của chính phủ về việc không sử dụng giấy tờ.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh, cấp huyện ban hành đều được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước, phổ biến pháp luật, nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng và thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đảm bảo tất cả thông tin phản ánh về tình hình thi hành pháp luật, thắc mắc về pháp luật của người dân được tiếp nhận và chuyển cho các đơn vị liên quan để giải quyết. Đồng thời, nhanh chóng đăng tải các thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin một cách chính xác và kịp thời.

- 100% dữ liệu cán bộ, công chức được cập nhật vào cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk.

- 100% hồ sơ, chứng từ thanh toán với kho bạc được ký số và chuyển qua dịch vụ công của Kho bạc nhà nước; thực hiện 100% các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội của công chức, viên chức và người lao động qua dịch vụ công;...

- 100% công chức, viên chức và người lao động được đào tạo tin học cơ bản và sử dụng các phần mềm nội bộ ngành phục vụ công việc chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% công chức phụ trách CNTT được đào tạo chuyên sâu về CNTT.
- 100% máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus và các phần mềm có bản quyền cần thiết.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới quy chế quản lý cung cấp và khai thác thông tin trên trang tin điện tử của Sở; quy định quản lý, sử dụng hệ thống mạng nội bộ cơ quan và hộp thư điện tử của Sở.

Hàng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết ứng dụng CNTT tại Sở phù hợp với xu thế phát triển của ứng dụng CNTT vào trong cơ quan nhà nước.

2. Phát triển về hạ tầng CNTT và nhân lực

Duy trì hoạt động thường xuyên của hạ tầng kỹ thuật, giám sát thường xuyên các hệ thống, phát hiện và xử lý sớm các vấn đề về an toàn thông tin (kiểm tra, gia hạn, cập nhật các phần mềm bảo mật hệ thống...) đảm bảo các hệ thống được an toàn, bảo mật.

Hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật: bổ sung, trang bị mới các thiết bị thiết yếu phục vụ nhu cầu ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (máy Scan, photocopy, máy in, firewall, Switch...); thay thế các máy tính có cấu hình cũ, hết niên hạn sử dụng tại các đơn vị trực thuộc Sở; nâng cấp hệ thống mạng nội bộ, kết nối Internet băng thông rộng.

Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách về CNTT được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý mạng; cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT, cập nhật kiến thức tin học hàng năm.

3. Về ứng dụng CNTT trong nội bộ Sở

Rà soát, điều chỉnh các quy chế sử dụng, quản lý các ứng dụng: quản lý hành chính về công việc; quản lý cán bộ, công chức, viên chức; quản lý tài chính; quản lý văn bản và điều hành... đảm bảo tính thống nhất, triệt để, an toàn, bảo mật thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý; tăng cường ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường làm việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành, sử dụng hộp thư công vụ trong trao đổi văn bản điện tử nội bộ, liên thông giữa các cơ quan thay thế văn bản giấy.

Tiếp tục ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ, tài chính - kế toán. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu về công chứng, hỗ trợ tư pháp, lý lịch

tư pháp, hộ tịch, quản lý xử lý vi phạm hành chính... nhằm tăng cường quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng công tác của Ngành.

Số hóa công tác Đảng, đoàn thể trong hoạt động cơ quan nhà nước.

Số hóa tài liệu lưu trữ trong công tác văn thư lưu trữ.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Nâng cấp Trang thông tin điện tử của Sở theo hướng bổ sung, nâng cấp các chuyên mục thông tin đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ nhằm đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Cung cấp danh mục các dịch vụ công trực tuyến, được phân loại theo ngành, lĩnh vực để thuận tiện cho việc khai thác sử dụng, giải quyết thủ tục hành chính công phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường mạng; cho phép người dân, tổ chức, doanh nghiệp điền và gửi trực tuyến các văn bản, biểu mẫu hồ sơ hành chính đến cơ quan, đơn vị; cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết hồ sơ công dân, trả kết quả trên hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh đạt mức độ 3, mức độ 4.

Ứng dụng chứng thực điện tử, hóa đơn điện tử, giao dịch điện tử và chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của cơ quan Sở để nâng cao hiệu quả xử lý công việc, tiết kiệm thời gian, chi phí, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động tác nghiệp giữa cơ quan, người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường mạng.

5. Công tác bảo đảm an toàn thông tin

Nâng cấp, cập nhật phần mềm cho các máy tính đang sử dụng; nâng cấp; mua bản quyền phần mềm virus máy tính; trang bị các giải pháp về bảo mật hệ thống máy chủ nội bộ... nhằm đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của Sở.

Định kỳ hàng năm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin trong hệ thống nội bộ của cơ quan Sở.

Triển khai hoàn thiện và duy trì mô hình 4 lớp; giám sát an toàn thông tin; chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho hệ thống CNTT, Internet của Sở; đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo kế hoạch triển khai của Sở Thông tin và truyền thông trong giai đoạn 2021-2025.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ

Chính quyền số; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan về vai trò, tiện ích của việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

2. Giải pháp chỉ đạo, tổ chức, triển khai; vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu đơn vị về ứng dụng CNTT

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo Sở trong triển khai ứng dụng CNTT; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý xử lý vi phạm hành chính trong ứng dụng, phát triển CNTT.

Triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế, đảm bảo tính hiệu quả khả thi khi triển khai; tổ chức xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, các mô hình tiêu biểu trong ứng dụng, phát triển CNTT đối với các lĩnh vực do Sở quản lý.

Rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới quy chế quản lý cung cấp và khai thác thông tin trên trang tin điện tử của Sở; quy định quản lý, sử dụng hệ thống mạng nội bộ cơ quan và hộp thư điện tử của Sở, gắn việc cải cách hành chính với ứng dụng, khai thác, vận hành hệ thống thông tin của Sở Tư pháp, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của Sở.

Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra; đồng thời, có sự đánh giá kết quả thực hiện hàng năm để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện.

Kết hợp chặt chẽ việc triển khai thực hiện Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính.

3. Giải pháp nhân lực

Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại cơ quan Sở. Nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT của công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị trực thuộc trong xử lý công việc.

Đào tạo nghiệp vụ quản lý nhà nước về CNTT và đào tạo chuyên ngành phục vụ phát triển phần mềm và nội dung số trong lĩnh vực tư pháp.

4. Giải pháp tài chính

Trên cơ sở ngân sách hàng năm được UBND tỉnh cấp cho đơn vị (theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành), Văn phòng Sở có trách nhiệm cân đối

kinh phí trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định, đánh giá việc sử dụng kinh phí vào hoạt động ứng dụng CNTT đúng mục đích, có hiệu quả.

Bố trí kinh phí, nguồn vốn phục vụ công tác ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

5. Các giải pháp khác

Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công ích, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình ứng dụng CNTT tại Sở Tư pháp các tỉnh khác.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về phát triển Chính phủ điện tử đã được đề ra, Sở Tư pháp tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì và phối hợp thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

Các nội dung nhiệm vụ cụ thể; thời hạn thực hiện nhiệm vụ; đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ và căn cứ xác định nhiệm vụ được xác định tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

VI. KINH PHÍ

Nhu cầu ngân sách đầu tư giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các chương trình, dự án ứng dụng CNTT:

STT	Nội dung	Năm thực hiện	Kinh phí dự kiến (VNĐ)	Nguồn vốn
1	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT; duy trì hạ tầng mạng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hàng năm tại Sở Tư pháp. - Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm ứng dụng và quy trình đăng ký thủ tục hành chính trực tuyến. - Xây dựng các ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.	2021	740.000.000	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác
2	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT; duy trì hạ tầng mạng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hàng năm tại Sở Tư pháp.	2022	400.000.000	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy

STT	Nội dung	Năm thực hiện	Kinh phí dự kiến (VNĐ)	Nguồn vốn
	- Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm ứng dụng, chuyên ngành. - Xây dựng các ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.			động khác
3	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT; duy trì hạ tầng mạng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hàng năm tại Sở Tư pháp. - Nâng cấp phần mềm, ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn.	2023	400.000.000	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác
4	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT; duy trì hạ tầng mạng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hàng năm tại Sở Tư pháp. - Triển khai dự án “Ứng dụng CNTT Ngành Tư pháp giai đoạn 2024-2025”.	2024	1.000.000.000	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác
5	- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CNTT; duy trì hạ tầng mạng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hàng năm tại Sở Tư pháp. - Triển khai dự án “Ứng dụng CNTT Ngành Tư pháp giai đoạn 2024-2025”.	2025	1.000.000.000	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các Phòng, đơn vị, Giám đốc các Trung tâm thuộc Sở có trách nhiệm tổ chức quán triệt Kế hoạch này tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động đơn vị mình.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Sở trong việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch và đưa các nhiệm vụ này vào Kế hoạch công tác năm của đơn vị.

2. Văn phòng Sở có trách nhiệm làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.